

**BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ;

Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Bảo vệ thực vật

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN ĐỨC TÙNG**

2. Ngày tháng năm sinh: **8/3/1979**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: **Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 2 ngõ 13 đường Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội**

6. Địa chỉ liên hệ: **Số 2 ngõ 13 đường Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội**

Điện thoại di động: **0983834689**;

E-mail: **nguyenductung@vnua.edu.vn; ductunghau@gmail.com**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Công việc, chức vụ, cơ quan
Từ năm 2004 đến nay	Giảng viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Từ năm 2007 đến năm 2009	Học viên cao học, Trường Đại học Philippines, Los Baños
Từ năm 2011 đến năm 2015	Nghiên cứu sinh, trường Đại học Ghent, Bỉ

Chức vụ: Hiện nay: **Giảng viên**; Chức vụ cao nhất đã qua: **Giảng viên**

Cơ quan công tác hiện nay: **Bộ môn Côn trùng, Khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.**

Địa chỉ cơ quan: **Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội**

Điện thoại cơ quan: **024.38767 864;**

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày **25 tháng 06 năm 2003**, ngành: **Nông nghiệp**, chuyên ngành: **Bảo vệ thực vật**

Nơi cấp bằng ĐH: **Đại học Nông nghiệp Hoa Nam, Trung Quốc**

- Được cấp bằng ThS ngày **25 tháng 4 năm 2009**, ngành: **Nông nghiệp**, chuyên ngành: **Côn trùng**

Nơi cấp bằng ThS: **trường Đại học Philippines Los Baños, Philippines**

- Được cấp bằng TS ngày **13 tháng 01 năm 2015**, ngành: **Khoa học sinh học ứng dụng**, chuyên ngành: **Côn trùng**

Nơi cấp bằng TS: **Đại học Ghent, Bỉ**

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày..... tháng..... năm....., ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh..... tại HDGS cơ sở:.....

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh..... tại HDGS ngành, liên ngành:.....

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu phát triển kỹ thuật nhân nuôi và sử dụng nhện nhỏ bắt mồi
- Nghiên cứu thành phần và đánh giá tiềm năng sử dụng các loài nhện bắt mồi bản địa trên một số loại cây trồng
- Nghiên cứu biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp sâu, nhện hại trên cây trồng nông nghiệp.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **0** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **04** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH các cấp gồm: Chủ nhiệm **01** đề tài nghiên cứu cơ bản cấp quốc gia; Chủ nhiệm **03** đề tài cấp cơ sở (trường); tham gia **03** đề tài NCKH cấp Bộ và thư ký **01** đề tài NCKH cấp Nhà nước
- Đã công bố **38** bài báo KH, trong đó **17** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín ISI; **04** bài báo KH tiếng Anh; **11** bài báo KH trên tạp chí chuyên ngành quốc gia và **06** bài báo tại các hội thảo khoa học toàn quốc.
- Số lượng sách đã xuất bản **02**, trong đó **01** sách chuyên khảo và **01** giáo trình thuộc nhà xuất bản có uy tín;

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

- 1) Development and reproduction of the predatory mite *Amblyseius swirskii* on artificial diets. **Nguyen Duc Tung**, Dominiek Vangansbeke, Xin Lü, and Patrick De Clercq. *BioControl* 58 (3): 369-377. 2013 (ISI IF: 2.253; trích dẫn: 53)
 - 2) Artificial and factitious foods support the development and reproduction of the predatory mite *Amblyseius swirskii*. **Nguyen Duc Tung**, Dominiek Vangansbeke, and Patrick De Clercq. *Experimental and applied acarology*. 62(2): 181-194. 2014 (ISI IF: 1.622; trích dẫn: 43)
 - 3) Beneficial effect of supplementing an artificial diet for *Amblyseius swirskii* with *Hermetia illucens* hemolymph. **Nguyen Duc Tung**, Vincent Bouguet, Thomas Spranghers, Dominiek Vangansbeke, and Patrick De Clercq. *Journal of Applied Entomology*. 139 (5): 342-351. 2015 (ISI IF: 2.22; trích dẫn: 16)
 - 4) Life tables and feeding habits of *Proprioseiopsis lenis* (Acari: Phytoseiidae) and implications for its biological control potential in Southeast Asia. **Nguyen Duc Tung**, Wim Jonckheere, Viet Ha Nguyen, Thomas Van Leeuwen, and Patrick De Clercq. *Systematic and Applied Acarology* 24 (5): 857-865. 2019 (ISI IF: 1.696).
 - 5) Giáo trình Quản lý dịch hại tổng hợp. Nguyễn Thị Kim Oanh, Nguyễn Văn Đĩnh, Hồ Thị Thu Giang, **Nguyễn Đức Tùng**. Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp. 2017. ISBN: 978-604-924-284-7.
15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm học: 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018.
 - Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo Quyết định số 4340/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017.
16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá)

Trong 15 năm làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Trường Đại học Nông nghiệp I và Đại học Nông nghiệp Hà Nội trước đây), tôi luôn nỗ lực phấn đấu để xứng đáng là một nhà giáo có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt. Với sự nỗ lực của bản thân trong suốt quá trình công tác cùng với sự ủng hộ, tin tưởng của các thầy cô giáo và đồng nghiệp, tôi đã có những bước trưởng thành trong sự nghiệp, đạt được những thành tích nhất định. Tôi tự nhận thấy đã đáp ứng được các tiêu chuẩn của nhà giáo được quy định trong *Luật Giáo dục*, đó là: (i) Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; (ii) Đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong điều kiện hội nhập quốc tế; (iii) Có đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp; và (iv) Có lý lịch bản thân rõ ràng.

Tôi luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ của nhà giáo được quy định trong *Luật Giáo dục*, đó là: (i) Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý, chương trình giáo dục; (ii) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và Điều lệ Trường đại học; (iii) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; (iv) Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học; (iv) Hoàn thành tốt các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Trong công việc, tôi luôn có tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng cộng tác, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu nên được đồng nghiệp, sinh viên, học viên quý trọng. Tôi luôn hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy (đại học, cao học) và nghiên cứu khoa học với chất lượng tốt.

Tôi tự nhận thấy mình đáp ứng được các tiêu chuẩn, nhiệm vụ của nhà giáo như quy định đối với ứng viên Phó giáo sư là giảng viên.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

Tổng số 15 năm tham gia đào tạo, trong đó có 02 năm đi đào tạo thạc sĩ tại Philippines (từ tháng 4/2007 đến tháng 3/2009) và 04 năm đi đào tạo tiến sĩ ở Bỉ (từ tháng 2/2011 đến tháng 1/2015).

Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2006-2007				2	332	0	332
2	2009-2010				2	420	0	420
3	2014-2015*				7	404	0	404
4	2015-2016				18	1214	0	1214
3 năm học cuối								
5	2016-2017			1	26	1097	40	1137
6	2017-2018			3	27	1126	162	1288
7	2018-2019			3	20	996	166	1162

Ghi chú: * Thời gian tính từ khi hoàn thành luận án tiến sỹ về nước tháng 1/2015 đến tháng 6/2015

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh và tiếng Trung**

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: **Trung Quốc**; Từ năm 1998 đến năm 2003
- Bảo vệ luận văn ThS ; Tại nước: **Philippines** năm 2009
- Bảo vệ luận án TS ; Tại nước: **Bỉ** năm 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:..... số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): **Học viện Nông nghiệp Việt Nam** (*Giảng dạy môn: Quản lý dịch hại công trùng (NHE03004) và đã hướng dẫn 05 sinh viên làm khóa luận bằng tiếng Anh cho ngành Khoa học cây trồng chương trình tiên tiến và giảng dạy môn Côn trùng đại cương 1 (SHE03023) cho ngành Công nghệ sinh học chất lượng cao bằng tiếng Anh*)

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): **IELTS 6.0 (năm 2006)**

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ..... đến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Kim Thị Hiền		x	x		2016-2017	Học viện NNVN	2017
2	Nguyễn Thị Thanh Hoài		x		x	2017-2018	Học viện NNVN	2018
3	Nguyễn Kim Hoàn Yến		x	x		2017-2018	Học viện NNVN	2018
4	Đào Thùy Linh		x	x		2017-2018	Học viện NNVN	2018

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	<i>Sau khi bảo vệ học vị Tiến sỹ</i>					
1	Giáo trình Quản lý dịch hại tổng hợp	GT	NXB Đại học Nông nghiệp, 2017	4	Viết một phần 1-26; 48-81; 135- 164; 165- 206	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
2	Quản lý tổng hợp nhện gié hại lúa ở Việt Nam	CK	NXB Nông nghiệp, 2017	4	Viết một phần	Trường đại học Sư phạm Hà Nội 2

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Điều tra thành phần sâu nhện hại, nghiên cứu đặc điểm phát sinh, phát triển của một số loài sâu hại chính trên hoa Hồng (<i>Rosa sinensis</i> Jacq) tại nhà lưới trường Đại học Nông nghiệp I và các vùng hoa ngoại thành Hà Nội	CN	T2005-01-05 Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội	1-12/2005	15/2/2006
2	Nghiên cứu thành phần, diễn biến số lượng, đặc điểm hình thái học, sinh vật học của một số loài sâu hại chính trên một số loại rau gia vị năm 2006 tại Gia Lâm, Hà Nội.	CN	T2006-01-06 Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội	1-12/2006	31/1/2007
3	Nghiên cứu kỹ thuật nhân nuôi bọ đuôi kim để phòng trừ sâu đục thân ngô, tại Gia Lâm, Hà Nội.	CN	T2010-01-3 Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	1-12/2010	17/1/2011
4	Xác định thành phần và tiềm năng sử dụng nhện bắt mồi họ Phytoseiidae trong phòng chống bọ trĩ và nhện đỏ tại Việt Nam	CN	FWO.106-NN.2015.01 Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	1/4/2016-30/4/2019	15/06/2019
5	Đánh giá vai trò của côn trùng ký sinh trong quản lý tổng hợp (IPM) sâu hại đậu tương vùng Gia Lâm - Hà Nội	TG	B2006-11-05 Bộ Giáo dục và Đào tạo	1/2006-12/2007	9/11/2008
6	Nghiên cứu thành phần sâu, nhện hại hoa hồng, hoa cúc và biện pháp phòng chống tại Hà Nội và vùng phụ cận	TG	B2010-11-167 Bộ Giáo dục và Đào tạo	1/2010-12/2011	28/5/2012

7	Nghiên cứu về tính kháng rầy nâu, rầy lưng trắng của một số giống lúa và biện pháp phòng chống chúng ở một số tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng	TG	B2010-11-170 Bộ Giáo dục và Đào tạo	1/2010-12/2011	28/5/2012
8	Nghiên cứu biện pháp phòng trừ tổng hợp nhện gié, <i>Steneotarsonemus spinki</i> Smiley hại lúa ở Việt Nam	TK	ĐTĐL. 2010/20 Bộ Khoa học & Công nghệ	1/2010-12/2012	26/12/2012

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TG: Tham gia

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
I	Trước khi bảo vệ học vị TS							
1	Nghiên cứu đặc điểm gây hại, đặc điểm hình thái một số loài nhện nhỏ họ Nhện chằng tơ (Tetranychidae: Acarina) gây hại lúa và ngô vụ xuân 2005 ở Gia Lâm, Hà Nội	2	Hội nghị toàn quốc 2005 nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống: Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống 3/11/2005				823-826	2005
2	Một số đặc điểm hình thái, sinh vật học của loài nhện đỏ son <i>Panonychus citri</i> (McGregor)(Acarina: Tetranychidae) hại hoa hồng ở Hà Nội	1	Tạp chí Bảo vệ thực vật			5	10-15	2006

3	Khả năng phát triển quần thể của nhện bắt mồi <i>Amblyseius victoriensis</i> Womersley, một loài thiên địch quan trọng của nhện đỏ sơn <i>Tetranychus cinnabarinus</i> Koch và bọ trĩ <i>Thrips palmy</i> Karny	6	Tạp chí khoa học kỹ thuật nông nghiệp			4/6	3-10	2006
4	Đa dạng sinh học côn trùng ký sinh và ảnh hưởng của thuốc hóa học tới chúng trên đậu tương tại Gia Lâm, Hà Nội năm 2006-2007	5	Tạp chí Bảo vệ thực vật			3	32-38	2008
5	Thành phần sâu hại rau ngổ, đặc điểm hình thái, sinh học và diễn biến mật độ của sâu bướm giáp (<i>Junonia atlites</i> Johanssen) (Lep.: Nymphalidae) trên rau ngổ vụ 2006 tại Gia Lâm- Hà Nội	1	Hội nghị côn trùng học toàn quốc lần thứ 6			5	386-394	2008
6	Một số đặc điểm hình thái và sinh học của ong <i>Telenomus subitus</i> Le (Hym.: Scelionidae) ký sinh trứng bọ xít xanh vai đỏ hại đậu tương ở Gia Lâm, Hà Nội	6	Hội nghị côn trùng học toàn quốc lần thứ 6				736-743	2008
7	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và khả năng khống chế nhện hai chấu <i>Tetranychus urticae</i> Koch (Acari: Tetranychidae) của nhện bắt mồi, <i>Neoseiulus longispinosus</i> (Evans) (Acari: Phytoseiidae)	1	Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 3 về sinh thái và tài nguyên sinh vật				1745-1750	2009

8	Nghiên cứu một số đặc điểm hình thái, sinh học, sinh thái của rệp hoa hồng (<i>Macrosiphum rosae</i> L.) vùng Hà Nội	5	Hội nghị Côn trùng học quốc gia lần thứ 7				660-668	2011
9	Thành phần sâu hại hoa cúc và thiên địch của chúng, diễn biến mật độ sâu hại chính trên cây hoa cúc năm 2010 tại Tây Tựu, Từ Liêm, Hà Nội	5	Hội nghị Côn trùng học quốc gia lần thứ 7				456-467	2011
10	Farmers' knowledge and practices in controlling mites and their attitude towards biological control	4	Journal of the Korean Society of International Agriculture		3	23/1	7-20	2011
11	Ảnh hưởng của hai loại thức ăn nhân tạo tới kích thước và một số đặc điểm sinh vật học bộ đuôi kim đen <i>Euborellia annulata</i> (Fabricius) (Dermaptera: Anisolabididae)	2	Tạp chí Khoa học và Phát triển			9/1	39-45	2011
12	Đánh giá tính kháng rầy nâu (<i>Nilaparvata lugens</i> Stal.) và rầy lưng trắng (<i>Sogatella furcifera</i> Hovath) trên một số giống lúa phổ biến ở miền Bắc Việt Nam	4	Tạp chí Bảo vệ thực vật			1	32-36	2012
13	Population Intensity of Panicle Rice Mite <i>Steneotarsonemus spinki</i> Smiley (Acari: Tarsonemidae) Influencing Rice Yield In Vietnam.	3	ISSAAS Journal		1	18/2	62 - 69	2012

14	Development and reproduction of the predatory mite <i>Amblyseius swirskii</i> on artificial diets	4	BioControl	ISI, IF:2.779 (năm 2013)	53	58/3	369-377	2013
15	Alternating temperatures affect life table parameters of <i>Phytoseiulus persimilis</i> , <i>Neoseiulus californicus</i> (Acari: Phytoseiidae) and their prey <i>Tetranychus urticae</i> (Acari: Tetranychidae)	9	Experimental and Applied Acarology	ISI, IF:1.859 (năm 2013)	23	61/3	285-298	2013
16	Performance of the predatory mite <i>Amblydromalus limonicus</i> on factitious foods	7	BioControl	ISI, IF:1.894 (Năm 2014)	50	59	67-77	2014
17	Artificial and factitious foods support the development and reproduction of the predatory mite <i>Amblyseius swirskii</i>	3	Experimental and Applied Acarology	ISI, IF:1.818 (Năm 2014)	43	62	181-194	2014
18	Diet-dependent cannibalism in the omnivorous phytoseiid mite <i>Amblydromalus limonicus</i>	8	Biological Control	ISI, IF:1.924 (Năm 2014)	22	74	30-35	2014
19	Food supplementation affects interactions between a phytoseiid predator and its omnivorous prey	7	Biological Control	ISI, IF:1.924 (Năm 2014)	17	76	95-100	2014
20	Solid artificial diets for the phytoseiid predator <i>Amblyseius swirskii</i>	3	BioControl	ISI, IF:1.894 (Năm 2014)	12	59/6	719-727	2014
21	Food supplements for <i>Amblyseius swirskii</i> : supporting predator or prey populations?	7	IOBC-WPRS Bulletin			102	221-226	2014

22	Artificial diets support the development and reproduction of the predatory mite <i>Amblyseius swirskii</i>	3	IOBC-WPRS Bulletin		1	102	215-218	2014
23	Performance of four species of phytoseiid mites on artificial and natural diets	3	Biological Control	ISI, IF:1.924 (Năm 2014)	23	80	56-62	2014
II Sau khi bảo vệ học vị TS								
24	Beneficial effect of supplementing an artificial diet for <i>Amblyseius swirskii</i> with <i>Hermetia illucens</i> hemolymph	5	Journal of Applied Entomology	ISI, IF:1.660 (Năm 2015)	16	139/5	342-351	2015
25	Supplemental food for <i>Amblyseius swirskii</i> in the control of thrips: feeding friend or foe?	7	Pest Management Science	ISI, IF:3.012 (Năm 2015)	15	72/3	466-473	2015
26	Diurnal temperature variations affect development of a herbivorous arthropod pest and its predators	7	PloS one	ISI, IF:3.504 (Năm 2015)	22	10/4		2015
27	Prey consumption by phytoseiid spider mite predators as affected by diurnal temperature variations	7	BioControl	ISI, IF:1.905 (Năm 2015)	8	60/5	595-603	2015
28	Establishment of <i>Amblyseius swirskii</i> in greenhouse crops using food supplements	6	Systematic and Applied Acarology	ISI, IF:1.677 (Năm 2016)	7	21/9	1174-1184	2016
29	Life table parameters and development of <i>Neoseiulus longispinosus</i> (Acari: Phytoseiidae) reared on citrus red mite, <i>Panonychus citri</i> (Acari: Tetranychidae) at different temperatures	6	Systematic and Applied Acarology	ISI, IF: 1.751 (Năm 2017)		22/9	1316-1326	2017

30	Một số đặc điểm hình thái, sinh học của nhện bắt mồi <i>Paraphytoseius cracentis</i> (Acari: Phytoseiidae) nuôi trên hai vật mồi khác nhau	2	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam			16/2	95-104	2018
31	Continuous rearing of the predatory mite <i>Neoseiulus californicus</i> on an artificial diet	4	BioControl	ISI, IF:2.238 (Năm 2018)	0	64/2	125–137	2019
32	Life tables and feeding habits of <i>Proprioseiopsis lenis</i> (Acari: Phytoseiidae) and implications for its biological control potential in Southeast Asia	6	Systematic and Applied Acarology	ISI, IF:1.758 (Năm 2018)	0	24/5	857-865	2019
33	Nghiên cứu đặc điểm sinh học nhện nhỏ bắt mồi <i>Euseius aizawai</i> và <i>Amblyseius swirskii</i> (Acari: Phytoseiidae) ăn nhện trắng <i>Polyphagotarsonemus latus</i>	1	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn			8	11-17	2019
34	Đánh giá khả năng sử dụng phấn hoa trong nhân nuôi nhện bắt mồi <i>Euseius ovalis</i> (Evans) (Acari: Phytoseiidae)	1	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn			9	35-40	2019
35	Ảnh hưởng của nhiệt độ và thức ăn đến đặc điểm sinh học nhện bắt mồi <i>Amblyseius largoensis</i> (Muma) (Acari: Phytoseiidae)	2	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn			11	66-72	2019

36	Ảnh hưởng của ẩm độ đến sự gia tăng quần thể của nhện bắt mồi <i>Neoseiulus californicus</i> (McGregor) (Acari: Phytoseiidae)	7	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			5	105-110	2019
37	Phytoseiid mites prey effectively on thrips eggs: evidence from predation trials and molecular analyses	6	Biological Control	ISI, IF:2.685 (Năm 2018)	0	137		2019
38	Đánh giá sức ăn của hai loài nhện bắt mồi (Acari: Phytoseiidae) với nhện đỏ hai chấm <i>Tetranychus urticae</i>	1	Tạp chí Bảo vệ thực vật			3	3-7	2019

Ghi chú: Chỉ số IF được xác định theo năm xuất bản trên trang web: <https://www.scimagojr.com>

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS: 09

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật khóa 62

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS:
- Giờ chuẩn giảng dạy:
- Công trình khoa học đã công bố:
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- Hướng dẫn NCS, ThS:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2019

Người đăng ký

Nguyễn Đức Tùng

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

Học viện Nông nghiệp Việt Nam xác nhận những nội dung “Thông tin cá nhân” mà TS. Nguyễn Đức Tùng đã kê khai là đúng. TS. Nguyễn Đức Tùng là cán bộ giảng dạy của Học viện từ năm 2004 đến nay. TS. Nguyễn Đức Tùng đã đảm nhiệm đủ hoặc vượt định mức về số tiết dạy chuẩn trong hầu hết các năm, trong đó có 7 thâm niên như kê khai ở mục B2 của Bản đăng ký này. Trong suốt thời gian công tác tại Học viện, TS. Nguyễn Đức Tùng là người có năng lực và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan